*Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng*
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)*
*(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)*

# BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
*REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE*

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước**
*To: - State Securities Commission of Vietnam*

| | | |
|---|---|---|
| **1.** | **Tên Công ty quản lý quỹ:**<br>*Fund Management Company:* | **Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse**<br>*Lighthouse Capital Fund Management Joint Stock Company* |
| **2.** | **Tên Ngân hàng giám sát:**<br>*Supervising bank:* | **Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**<br>*Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch* |
| **3.** | **Tên Quỹ:**<br>*Fund name:* | **QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG LIGHTHOUSE**<br>*Lighthouse Capital Dynamic Fund* |
| **4.** | **Kỳ báo cáo:**<br>*Reporting Period:* | **Từ 13/10/2026 đến 15/10/2026**<br>*From 13-Oct-2026 to 15-Oct-2026* |
| **5.** | **Ngày lập báo cáo:**<br>*Reporting Date:* | **16/10/2026**<br>*16-Oct-2026* |

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value**

| STT NO | CHỈ TIÊU CRITERIA | KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 15/10/2026 | KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 12/10/2026 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Giá trị tài sản ròng (NAV)**<br>Net Asset Value | | |
| **1** | **Giá trị tài sản ròng đầu kỳ**<br>Net Asset Value at the beginning of period | | |
| 1.1 | *của quỹ/per Fund* | 53,498,405,014 | 53,146,110,926 |
| 1.2 | *của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate* | 10,682.81 | 10,612.79 |
| **2** | **Giá trị tài sản ròng cuối kỳ**<br>Net Asset Value at the end of period | | |
| 2.1 | *của quỹ/per Fund* | 53,285,242,513 | 53,498,405,014 |
| 2.2 | *của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate* | 10,666.44 | 10,682.81 |
| **3** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:**<br>Change of NAV during period, in which: | | |
| 3.1 | *Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ*<br>*Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period* | (81,770,219) | 350,668,171 |
| 3.2 | *Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ*<br>*Change of NAV related to investors during the period* | (131,392,282) | 1,625,917 |
| 3.2.1 | *Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ*<br>*Change of NAV due to profit distribution to investors during the period* | - | - |
| 3.2.2 | *Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ*<br>*Change of NAV due to subscription, redemption during the period* | (131,392,282) | 1,625,917 |
| **4** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước**<br>Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period | (16.37) | 70.02 |
| **5** | **Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**<br>Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks | | |
| 5.1 | *Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)* | 70,060,238,792 | 70,538,947,401 |
| 5.2 | *Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)* | 52,684,007,210 | 52,684,007,210 |
| **6** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)**<br>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) | | |
| 6.1 | *Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates* | - | - |
| 6.2 | *Tổng giá trị/Total value* | - | - |
| 6.3 | *Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio* | 0.00% | 0.00% |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100150619-079
Reason: I am approving this document
Location:
Date: 2026.10.16 10:25:35+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**
**Nguyễn Thị Minh Châu**
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**
*Authorised Representative of Fund Management Company*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304772590, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE, L=Quận 3, S=HỒ CHÍ MINH, C=VN
Reason: I am approving this document
Location: your signing location here
Date: 2026.10.16 15:31:13+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

**Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Lighthouse**

**Nguyễn Lê Đình Quang**
**Tổng Giám đốc**